

Số: 392/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Biểu giá chi phí tránh được năm 2026
áp dụng cho các nhà máy thủy điện nhỏ

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phương pháp xác định và nguyên tắc áp dụng biểu giá chi phí tránh được cho các nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá chi phí tránh được năm 2026 áp dụng cho các nhà máy thủy điện nhỏ đấu nối với lưới điện quốc gia đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 10/2025/TT-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phương pháp xác định và nguyên tắc áp dụng biểu giá chi phí tránh được cho các nhà máy điện năng lượng tái tạo nhỏ; nội dung chính của hợp đồng mua bán điện.

Điều 2. Biểu giá chi phí tránh được năm 2026 ban hành kèm theo Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Điện lực; Vụ trưởng Vụ Pháp chế; Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tổng giám đốc các Tổng công

ty Điện lực và Thủ trưởng các đơn vị phát điện có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Q. Bộ trưởng (để b/c);
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Lưu: VT, DL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Long



BIỂU GIÁ CHI PHÍ TRÁNH ĐƯỢC NĂM 2026*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3 9 2/QĐ-BCT**ngày 06 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

Thành phần giá	Mùa khô			Mùa mưa			
	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Giờ cao điểm	Giờ bình thường	Giờ thấp điểm	Phần điện năng dư
Giá điện năng (đ/kWh)							
Miền Bắc	726	726	725	703	704	702	351
Miền Trung	729	729	729	707	708	706	353
Miền Nam	749	749	748	727	727	726	363
Giá công suất cho cả 3 miền (đ/kWh)	1.932						

Ghi chú:

- Biểu giá chi phí tránh được chưa bao gồm thuế tài nguyên nước, tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và thuế giá trị gia tăng.

- Bên mua có trách nhiệm thanh toán cho Bên bán thuế tài nguyên nước, tiền dịch vụ môi trường rừng, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước và thuế giá trị gia tăng.